

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/DS-PT
Ngày: 22 - 7 - 2022
V/v tranh chấp yêu cầu mở lối đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.
Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp yêu cầu mở lối đi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, là Luật sư trợ giúp pháp lý, tham gia tố tụng, thuộc Trung tâm TGPL NN tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 298/22, Quốc lộ M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 44, Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Hồng M, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 44, Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Trí D, Luật sư của Văn Phòng Luật sư NV, thuộc

đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 351, đường N, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh T là bị đơn và bà Trần Thị Hồng M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Trong Đơn khởi kiện đề ngày 20/8//2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà có phần đất làm nhà ở giáp ranh với đất ông Nguyễn Thanh T, đất của ông T có nguồn gốc là ông T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn S. Trước khi ông T sử dụng phần đất này thì ông S dành lối đi trên phần đất của ông S giáp với đất của bà ra đến lộ nông thôn chiều ngang 2m, chiều dài 30m, vì ngoài lối đi này gia đình bà không có lối đi nào để đi ra lộ đal. Khi ông T về ở thì ông cũng dành lối đi cho gia đình bà như ông S. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 12 năm 2019 thì ông T đã rào lại lối đi này làm cho gia đình bà không còn lối đi nào khác để đi ra lộ nông thôn. Nay bà yêu cầu ông T phải cho bà mở một lối đi ngang 02m dài 29m để bà thuận tiện trong việc đi lại từ nhà ra lộ đal.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn mở một lối đi có chiều ngang 1,5m, chiều dài một cạnh là 29,43m, một cạnh 28,43m tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Vào năm 2000, ông có nhận chuyển nhượng của ông S một phần đất diện tích là 8.940m², gồm 02 thửa, trong này có 01 thửa giáp với đất của bà L. Trong phần đất của ông có 01 lối đi, trước đây gia đình bà L cũng đi lối đi này nhưng do nay bị mất trộm tài sản nhiều nên ông đã rào lại không cho bà L đi nữa. Nay ông không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của bà L, lý do bà L có 02 lối đi khác cũng đi ra lộ được.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Hồng M phải có trách nhiệm liên đới di dời, tháo dỡ các vật kiến trúc đã xây dựng và di dời toàn bộ số cây Mai kiểng đang trồng trên phần đất để mở cho bà Nguyễn Thị L 01 lối đi trên phần đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Thanh T đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ, với diện tích theo đo đạc thực tế là 42,4m², có tứ cận như sau: Hướng đông giáp lộ đal, có số đo 1,5m. Hướng tây giáp đất bà Nguyễn Thị L, có số đo 1,5m. Hướng nam giáp đất ông Mã Văn Đ và nương nước đất ông Đ cho bà L, có số đo 29,43m. Hướng bắc giáp đất ông Nguyễn Thanh T, có số 28,43m.

Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm hoàn trả cho ông T và bà M số tiền trị giá đất là 6.360.000 đồng và số tiền đền bù thiệt hại cho ông T và bà M là 5.956.000 đồng, số tiền hỗ trợ di dời số cây Mai kiểng là 200.000 đồng. Tổng cộng các khoản bà L phải hoàn trả cho ông T và bà M số tiền là 12.516.000 đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/3/2022, bị đơn ông Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng M có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên nhận đơn của ông T ngày 01/4/2022, nhận đơn của bà M ngày 07/4/2022. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà L không rút đơn khởi kiện và cho rằng bà không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông T và bà M, vì từ khi ông T rào lại lối đi từ năm 2019 thì gia đình bà chỉ đi nhờ bên đất của ông Đ, còn lối đi qua đất của ông T là lối đi cũ hình thành từ xưa đến nay đã hơn 100 năm. Bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng ông, bà chuyển nhượng đất của ông S vào năm 2000 không có vẽ lối đi chung trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L và bà nội ông T không còn đi qua đất ông từ năm 2017 đến nay; nếu mở lối đi qua đất của ông, bà sẽ ảnh hưởng đến việc chăn nuôi bò, gà, vịt và phần đất còn lại không đủ diện tích cất nhà cho con ông, bà ở; ông, bà đồng ý cho bà L mở lối đi phía bên ngoài hàng rào bề ngang khoảng 0,5m giáp đất ông Đ. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L cho rằng phía bị đơn trình bày gia đình bà L có 02 lối đi qua đất của ông Đ từ lâu là không đúng, được bà U' và ông Tuấn xác định gia đình bà L sử dụng lối đi qua đất ông T đã tồn tại từ lâu; còn phần đất bên ngoài hàng rào là đất của ông Đ nên ông T và bà M không có quyền cho bà L mở lối đi; phần đất ông T là lớn, ngoài nhà đã cất diện tích còn lại là hơn 900m² nên đảm bảo đủ để cất nhà ở; việc gia đình bà L đi nhờ qua đất ông Đ là bất lợi, vì phải qua cầu dừa xe hai bánh không vào nhà được; việc ông T cho rằng mất trộm nên rào lại lối đi là suy đoán. Do đó, đề nghị

Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và bà M, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà M cho rằng trên đất của ông T trước đây không phải là lối đi chung như bà L trình bày, bà L và bà nội ông T đã có 02 lối đi qua đất ông Đ, lối đi qua đất ông Đ tồn tại đã lâu, thể hiện qua việc xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án; nếu mở lối đi cho bà L qua đất ông T thì sẽ bị mất trộm tài sản, ảnh hưởng đến việc chăn nuôi bò, gà, vịt và phần đất còn lại không đủ cất nhà cho con ông T để ở; trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có lối đi chung, nên việc cho đi hay không là quyền của ông T. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông T và bà M, sửa bản án dân sự sơ thẩm cho Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và bà M và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đều có mặt; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông T và bà M là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông T và bà M về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L về tranh chấp yêu cầu mở lối đi. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp, ông T và bà M có yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung để xác định bà L có sử dụng lối đi qua đất của ông Đ và theo ông Đ (BL số 197) xác định: Ông đồng ý cho gia đình bà L sử dụng lối đi qua đất ông. Tuy nhiên, lối đi qua đất của ông Đ không thuận lợi, dài hơn lối đi cũ và khó đi, phải bắt cầu bằng cây dừa qua mương nước, xe hai bánh không vào

tới nhà được. Mặt khác, theo người làm chứng gồm: Bà Nguyễn Thị U' (BL số 72) xác định: Bà là bà nội của ông T và bà con với bà L, trước đây chủ đất cũ là ông Nguyễn Văn S chưa chuyển nhượng cho ông T thì có lối đi chung từ nhà bà L ra lộ đal, bà cũng đi lối đi này ra lộ. Năm 2019, ông T rào lại lối đi thì gia đình bà L và gia đình bà phải đi nhờ qua phần đất của gia đình ông Mã Văn Đ, nhưng ông Đ không cho đi nhờ và lối đi nhờ bùn sình khó đi, việc ông T rào lại lối đi đang tranh chấp là không đúng, vì gia đình bà L và gia đình bà không còn lối đi nào thuận tiện hơn. Còn theo người làm chứng ông Nguyễn Thanh X, Trưởng ban nhân dân ấp Phú An (BL số 73) xác định: Ông không có bà con với bà L và ông T, lối đi đang tranh chấp đã có từ lâu rồi, gia đình bà L trước đây đi ra lộ đal bằng lối đi này, năm 2019 ông T đã rào lại không cho bà L đi nữa nên xảy ra tranh chấp và bà L có đi nhờ qua phần đất của ông Đ, lối đi nhờ bùn lầy ngập nước, khoảng cách xa, không thuận tiện, xe máy không vào được tới nhà. Đồng thời, tại buổi hòa giải (BL số 33) và tại phiên tòa sơ thẩm (BL số 152) nguyên đơn ông T xác định: Trong phần đất của ông có một lối đi, trước đây gia đình bà L cũng đi lối đi này ra lộ, nhưng do bị mất trộm tài sản nhiều nên ông rào lại không cho bà L đi nữa. Do đó, việc bà L yêu cầu mở lại lối đi cũ đã hình thành từ trước khi ông T nhận chuyển nhượng đất của ông S là phù hợp, việc ông T rào lại lối đi cũ không cho gia đình bà L đi ra lộ đal là không đúng, làm ảnh hưởng đến cuộc sống thường ngày của gia đình bà L, nhất là ảnh hưởng đến người già và trẻ em. Vì vậy, việc bà L yêu cầu mở lại lối đi cũ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà M cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Từ những nhận định vừa nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông T và bà M là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm chưa tuyên về lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên HĐXX bổ sung cho đầy đủ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên ông T và bà M mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 7.990.000 đồng. Do yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ của ông T không được Tòa án chấp nhận, nên ông T phải chịu toàn bộ và đã nộp xong theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và bà M là có căn cứ như vừa nhận định, nên được HĐXX chấp nhận. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà M đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông

T, bà M và sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và bà M và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng M.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022, về việc tranh chấp yêu cầu mở lối đi của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Hồng M phải có trách nhiệm liên đới di dời, tháo dỡ hoặc đập bỏ các vật kiến trúc đã xây dựng và di dời toàn bộ số cây Mai kiểng đang trồng trên phần đất để mở cho bà Nguyễn Thị L 01 lối đi trên phần đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Thanh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với diện tích theo đo đạc thực tế là 42,4m², có số đo tứ cận như sau: Hướng đông giáp lộ đāl, có số đo 1,5m. Hướng tây giáp đất bà Nguyễn Thị L, có số đo 1,5m. Hướng nam giáp đất ông Mã Văn Đ và nương nước đất ông Mã Văn Đ cho bà Nguyễn Thị L, có số đo 7,23m + 17,94m + 4,23m. Hướng bắc giáp đất ông Nguyễn Thanh T, có số đo 7,21m + 21,69m (Đính kèm sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 08/7/2022 - BL số 196).*

- *Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Hồng M tổng số tiền là 12.516.000 đồng (mười hai triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng).*

- *Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Hồng M cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở cấp sơ thẩm: Tổng chi phí số tiền 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị L phải chịu và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Hồng M mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009916, ngày 05/4/2022 và Biên lai thu số 0009924, ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Hồng M đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 7.990.000 đồng (bảy triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Thanh T phải chịu toàn bộ và đã nộp xong.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THA tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Toàn